

CÔNG TY TNHH QP 68
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QP 68

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QP 68 COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: QP 68 CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109905060

3. Ngày thành lập: 11/02/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 38 ngõ 49 đường Ngọc Hồi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982.956.075

Fax:

Email: vudong10381@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
15.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
16.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
17.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
18.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
19.	Lập trình máy vi tính	6201
20.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
21.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

22.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
23.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
24.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
25.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
26.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
27.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
28.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
29.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
30.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
31.	Cho thuê xe có động cơ	7710
32.	Bán buôn tổng hợp	4690
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
35.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
36.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
37.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
38.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
39.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
40.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
41.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
42.	Sản xuất đường	1072
43.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
44.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
45.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
46.	Sản xuất chè	1076
47.	Sản xuất cà phê	1077
48.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
49.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
50.	Sản xuất sợi	1311
51.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
52.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
53.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
54.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
55.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393

56.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
57.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
58.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
59.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
60.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
61.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
62.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
63.	Sản xuất giày, dép	1520
64.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
65.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
66.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
67.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
68.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
69.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
70.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
71.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
72.	In ấn	1811
73.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
74.	Sao chép bản ghi các loại	1820
75.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
76.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
77.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
78.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
79.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
80.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
81.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
82.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
83.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
86.	Bốc xếp hàng hóa	5224
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
89.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
90.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
91.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

92.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
93.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
94.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
95.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
96.	Xây dựng nhà để ở	4101
97.	Xây dựng nhà không để ở	4102
98.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
99.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
100.	Xây dựng công trình điện	4221
101.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
102.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
103.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
104.	Xây dựng công trình thủy	4291
105.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
106.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
107.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
108.	Phá dỡ	4311
109.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	VŨ QUANG ĐÔNG	Việt Nam	Số 7 ngõ 1 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.600.000.000	80,000	034081010728	
2	NGUYỄN THỊ HẢI	Việt Nam	Số 7 ngõ 1 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	400.000.000	20,000	034181009664	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ QUANG ĐÔNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: *10/03/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *034081010728*

Ngày cấp: *10/07/2021*

Nơi cấp: *Ha Noi*

Địa chỉ thường trú: *Số 7 ngõ 1 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 38 ngõ 49 đường Ngọc Hồi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*